

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 42/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về kết quả giám sát chuyên đề “Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi của người dân, đặc biệt là nhóm yếu thế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân;

Trên cơ sở xem xét Báo cáo số 283/BC-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát chuyên đề “Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi của người dân, đặc biệt là nhóm yếu thế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đánh giá kết quả giám sát chuyên đề “Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi của người dân, đặc biệt là nhóm yếu thế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”

1. Kết quả đạt được

a) Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) và trợ giúp pháp lý (TGPL) trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh, Sở Tư pháp và các sở, ngành, đơn vị, địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai tương đối đồng bộ, bám sát chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật và yêu cầu thực tiễn của địa phương. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị từng bước được tăng cường, tạo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện.

b) Nội dung PBGDPL được lựa chọn phù hợp với từng nhóm đối tượng, tập trung vào các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân, doanh nghiệp và những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp; hình thức tuyên truyền ngày càng đa dạng, kết hợp giữa tuyên truyền trực tiếp với ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số và mạng xã hội, góp phần mở rộng phạm vi tiếp cận, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL và nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân.

c) Công tác TGPL được thực hiện đúng quy định, đúng đối tượng; sự phối hợp giữa Trung tâm TGPL nhà nước với các cơ quan tiến hành tố tụng, chính quyền địa phương và các tổ chức có liên quan được tăng cường, tạo điều kiện để người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, phụ nữ, trẻ em và các nhóm yếu thế được tiếp cận dịch vụ pháp lý miễn phí, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp.

d) Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác PBGDPL và TGPL được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện và tạo điều kiện thuận lợi để người dân, nhất là các nhóm yếu thế tiếp cận thông tin pháp luật và dịch vụ TGPL thuận lợi, kịp thời.

đ) Kết quả thực hiện công tác PBGDPL và TGPL đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hỗ trợ giải quyết nhiều vụ việc ngay từ cơ sở, hạn chế phát sinh tranh chấp, khiếu kiện, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tuyên truyền, PBGDPL và TGPL trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, khó khăn, vướng mắc như sau:

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và xây dựng kế hoạch ở một số cơ quan, địa phương còn mang tính hành chính, chưa xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu và kết quả đầu ra; việc kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện chưa thường xuyên, chưa gắn với yêu cầu và đặc điểm của từng nhóm đối tượng, chưa đánh giá hiệu quả sau tuyên truyền.

b) Việc triển khai công tác PBGDPL giữa các sở, ngành và địa phương chưa đồng đều. Một số đơn vị còn xem đây là nhiệm vụ thường xuyên theo kế hoạch, chưa thực sự đổi mới nội dung và phương pháp tuyên truyền; việc lựa chọn nội dung ở một số nơi còn dàn trải, chưa tập trung vào những vấn đề pháp lý mà người dân và doanh nghiệp quan tâm; việc đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và việc thường xuyên sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với công tác tuyên truyền, PBGDPL và TGPL.

c) Đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật ở một số

địa phương chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm; kỹ năng truyền đạt, kỹ năng xử lý tình huống và khả năng tiếp cận các nhóm yếu thế chưa đồng đều, nhất là tại các xã miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tài liệu PBGDPL chưa thực sự phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số, còn nặng về văn bản, ít sử dụng hình ảnh, video hoặc tài liệu song ngữ.

d) Việc bảo đảm quyền tiếp cận pháp luật của người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn gặp nhiều khó khăn do điều kiện giao thông, khoảng cách địa lý, hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ và rào cản về ngôn ngữ. Một bộ phận người dân chưa chủ động tìm hiểu pháp luật hoặc chưa nhận thức đầy đủ về quyền được TGPL. Chưa phát huy đầy đủ vai trò của già làng, người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong tuyên truyền pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

đ) Công tác TGPL tuy đã có nhiều chuyển biến nhưng việc phát hiện, giới thiệu người thuộc diện được TGPL ở một số địa phương còn chưa kịp thời; công tác phối hợp giữa một số cơ quan trong việc cung cấp thông tin, giới thiệu đối tượng được TGPL có thời điểm chưa thường xuyên.

e) Nguồn kinh phí dành cho công tác PBGDPL và TGPL còn hạn chế; việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác tuyên truyền trong giai đoạn hiện nay.

3. Nguyên nhân của tồn tại, khó khăn, vướng mắc

a) Nguyên nhân khách quan

- Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, địa bàn quản lý rộng hơn, dân số đông hơn, nhiều xã có diện tích lớn, giao thông khó khăn, trong khi biên chế và nguồn lực chưa được bổ sung tương xứng, ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền PBGDPL và TGPL tại cơ sở.

- Hệ thống pháp luật thường xuyên được sửa đổi, bổ sung, khối lượng văn bản ngày càng nhiều, yêu cầu cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với đội ngũ làm công tác PBGDPL và TGPL ngày càng cao; trong khi phần lớn báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và hòa giải viên ở cơ sở hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

- Điều kiện kinh tế - xã hội giữa các địa phương còn chênh lệch; hạ tầng công nghệ thông tin tại một số xã miền núi, vùng sâu, vùng xa chưa đồng bộ; trình độ tiếp cận công nghệ và nhận thức pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác tuyên truyền PBGDPL và TGPL.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Một số cơ quan, địa phương chưa thực sự quan tâm đúng mức đến công tác PBGDPL và TGPL; việc lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá kết quả thực hiện có thời điểm chưa thường xuyên, chưa gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

- Công tác phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị trong tổ chức tuyên truyền PBGDPL và TGPL chưa thật sự chặt chẽ; việc chia sẻ thông tin, giới thiệu đối tượng thuộc diện được TGPL còn chưa thật sự chủ động, nhất là ở cấp cơ sở.

- Một số cán bộ làm công tác PBGDPL và TGPL chưa được bồi dưỡng thường xuyên về kỹ năng truyền thông, kỹ năng số và phương pháp tiếp cận các nhóm yếu thế, ảnh hưởng đến hiệu quả tuyên truyền trong bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu quản lý mới.

Điều 2. Giải pháp khắc phục những tồn tại, khó khăn, vướng mắc

Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tiếp tục nâng cao chất lượng công tác PBGDPL và TGPL; xây dựng kế hoạch hằng năm theo hướng xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, đối tượng và kết quả thực hiện, phù hợp với đặc điểm từng địa bàn, nhất là khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực biên giới.

2. Chỉ đạo đổi mới nội dung, hình thức và tài liệu cho công tác tuyên truyền PBGDPL theo hướng lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; ưu tiên tuyên truyền các lĩnh vực phát sinh nhiều tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, các quy định mới liên quan đến mô hình chính quyền địa phương hai cấp, chuyển đổi số và cải cách hành chính.

3. Chỉ đạo tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong công tác PBGDPL và TGPL; từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu và các sản phẩm truyền thông điện tử dùng chung, tạo điều kiện để người dân dễ dàng tiếp cận thông tin pháp luật.

4. Quan tâm bố trí kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực phục vụ công tác PBGDPL và TGPL, nhất là đối với các xã miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; đồng thời khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội tham gia công tác PBGDPL.

5. Tăng cường kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện theo hướng lấy hiệu quả thực chất làm thước đo; kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, nhân rộng các

mô hình hay, cách làm hiệu quả và biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác PBGDPL và TGPL, đặc biệt là nhóm yếu thế.

6. Chỉ đạo Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu nghiêm túc triển khai thực hiện các kiến nghị của Đoàn giám sát Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh nêu tại Mục 2 và Mục 3 Phần IV Báo cáo số 283/BC-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định và theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh để phục vụ hoạt động giám sát.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện, đồng thời phối hợp giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIV, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Đức Tuy